TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **41**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29-10-2019 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tố**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Ngọc Lan**

Ông **Võ Ảnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 401/6, đường Hồng Thập Tự, Khu phố 5, phường Xuân Trung, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Hẻm số 162/9, Tổ 7, Khu phố 4, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Hồ H**, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 401/6, đường Hồng Thập Tự, Khu phố 5, phường Xuân Trung, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Hẻm số 162/9, Tổ 7, Khu phố 4, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 30-11-2018, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997. Đến năm 1999, chị D và anh H thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc, huyện L (cũ), được cấp giấy chứng nhận

kết hôn vào ngày 27-8-1999, giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 02/1999, là hôn nhân tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Theo chị D, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ khoảng năm 2017, nguyên nhân do anh H ham chơi, không có ý thức xây dựng kinh tế gia đình, mặt khác còn vay nợ nhiều người, buộc chị pH thanh toán nợ thay anh H. Ngoài ra, theo chị D, anh H không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc gia đình và vợ con, để một mình chị lo lắng tất cả các vấn đề phát sinh trong đời sống hàng ngày. Chị và các thành viên khác trong gia đình anh H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vào năm 2018, do không thể tiếp tục chung sống, chị D đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, do thương các con còn nhỏ, nên chị đồng ý rút đơn, một lần nữa tạo cơ hội cho anh H sửa đổi bản thân. Mặc dù vậy, sau khi về đoàn tụ, thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tái diễn, anh H vẫn chứng nào tật đó, không sửa đổi. Đến khoảng tháng 01-2019, anh H bỏ đi nơi khác sinh sống, khoảng một tháng mới về thăm con một lần. Chị D xác định, đến thời điểm này, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ khoảng mười tháng nay. Vì vậy, nhằm để ổn định đời sống riêng, tập trung làm kinh tế để nuôi dưỡng các con, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Hồ H.

Về con: Theo chị D, vợ chồng có 03 (Ba) người con là: Nguyễn Khang Duy, sinh ngày 08-8-1997; Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 06-6-2006 và Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, sinh ngày 18-3-2009. Từ khi anh H bỏ đi nơi khác sinh sống, các con do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con Nguyễn Quốc Minh, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh. Hiện tại, chị đang làm nghề buôn bán, thu nhập thực tế từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chị D khẳng định, với thu nhập nêu trên, chị đủ khả năng để nuôi dưỡng các con trưởng thành về mọi mặt, nên tạm thời chị không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Khang Duy đã thành niên và có khả năng lao động, nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị D, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Hồ H mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, vắng mặt tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của anh Nguyễn Ngọc Hồ H và thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị D, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản xác minh ngày 08-4-2019 (Bút lục số 24), Công an phường Xuân Trung cho biết: Công dân Nguyễn Ngọc Hồ H, sinh năm 1969 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 401/6, đường Hồng Thập Tự, Khu phố 5, phường

Xuân Trung. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, anh H đã bán nhà, thay đổi nơi cư trú. Được biết, hiện nay, anh H và vợ là chị Nguyễn Thị Thúy D sinh sống tại phường Xuân Hòa, thành phố L; quá trình chung sống tại địa phương, anh H và chị D nhiều lần xảy ra tranh cãi, nhưng nguyên nhân, lý do thì chính quyền địa phương không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 09-4-2019 (Bút lục số 23), Công an phường Xuân Hòa cung cấp thông tin như sau: Công dân Nguyễn Ngọc Hồ H có sinh sống tại địa chỉ: Hẻm số 162/9, Tổ 7, Khu phố 4, phường Xuân Hòa, thành phố L. Tuy nhiên, từ tháng 01/2019 cho đến nay, anh H thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú.

Tại biên bản xác minh ngày 10-7-2019 (Bút lục số 34), đại diện Khu phố 4, phường Xuân Hòa cho biết: Anh Nguyễn Ngọc Hồ H và chị Nguyễn Thị Thúy D hiện nay sinh sống tại địa chỉ: Hẻm số 162/9, Tổ 7, Khu phố 4, phường Xuân Hòa. Tuy nhiên, từ khoảng đầu năm 2019 đến nay, anh H thường xuyên không có mặt ở nhà, anh H đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Quá trình chung sống tại địa chỉ nêu trên, do chị D và anh H ít quan hệ với mọi người nên về mâu thuẫn giữa anh H và chị D không được rõ.

Tại Biên bản làm việc ngày 05-7-2019, đối với chị Nguyễn Thị Thắm (là chị ruột của chị D), chị Thắm cho biết như sau: Chị D và anh H chung sống với nhau từ năm 1997. Ban đầu, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh H, sau đó thì ra sống riêng tại phường Xuân Trung. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, nguyên nhân do anh H ham chơi, không lo lắng, quan tâm đến kinh tế gia đình. Được biết, do anh H nợ tiền nhiều người nên anh H và chị D đã pH bán nhà, đất tại phường Xuân Trung, để thanh toán nợ cho anh H. Từ đầu năm 2019, anh H đi đâu không rõ, thỉnh thoảng anh H có về thăm các con tại phường Xuân Hòa.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh H; về con: Đề nghị tiếp tục giao con Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 06-6-2006 và con Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, sinh ngày 18-3-2009 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không pH cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Đối với con Nguyễn Khang Duy, sinh ngày 08-8-1997, hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Hồ H, tranh chấp về nuôi các con Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 06-6-2006, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, sinh ngày 18-3-2009. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Ngọc Hồ H có nơi cư trú tại: Hẻm số 162/9, Tổ 7, Khu phố 4, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Ngọc Hồ H, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc, huyện L (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị chị D và anh H đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc Hồ H, qua kết quả xác minh cho thấy: Từ khoảng đầu năm 2019, anh H thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ như nguyên đơn cung cấp, thỉnh thoảng có về lại nơi cư trú để thăm con. Như vậy, việc Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng vẫn đảm bảo cho anh H nhận được thông tin liên quan đến vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ (niêm yết) giấy triệu tập, thông báo và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình với chị D.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh H có 03 (Ba) người con là: Nguyễn Khang Duy, sinh ngày 08-8-1997; Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 06-6-2006 và Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, sinh ngày 18-3-2009. Xét yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng các con Nguyễn Quốc Minh, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh thì thấy: Bản thân chị D có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo tất cả

các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con trưởng thành về mọi mặt. Mặt khác, các con hiện đang sinh sống ổn định cùng chị D, yêu cầu của chị D là phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, không cần thiết pH xáo trộn đời sống của con trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục giao các con Nguyễn Quốc Minh, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H không pH thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu. Đối với con Nguyễn Khang Duy đã thành niên và có khả năng lao động, chị D không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị D khai không có, nên không xem xét; đối với anh H nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung đối với chị D thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị D pH nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Ngọc Hồ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Ngọc Hồ H.

2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 06-6-2006 và Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, sinh ngày 18-3-2009 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không pH cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị D khai không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn bằng vụ án khác cho anh H, nếu anh H có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị D pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009339 ngày 25-12-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Chị D đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Xuân Bình (số 211/1999, ngày 27-8-1999, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố